

Số: 229/QĐ -YT

Đơn Dương, ngày 22 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành danh mục giá xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh
theo yêu cầu tại TTYT Đơn Dương.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ ĐƠN DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 08/11/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v thành lập Trung tâm Y tế Đơn Dương; Quyết định 1628/QĐ-SYT ngày 26/9/2019 của Sở Y tế Lâm Đồng V/v Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Phòng chức năng, Khoa chuyên môn, Trạm y tế và tương đương của Trung tâm Y tế Đơn Dương;

Căn cứ Quyết định số 338 /QĐ-YT ngày 22/6/2021 của Trung tâm Y tế Đơn Dương về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công triển khai dịch vụ xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh;

Căn cứ bảng kê khai mức giá của Trung tâm Y tế Đơn Dương;

Xét đề nghị của Phòng TCKT, Phòng KHNV và Ban quản lý dịch vụ điều trị theo yêu cầu và xã hội hóa của TTYT Đơn Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục biểu giá thu các dịch vụ theo yêu cầu của Trung tâm Y tế Đơn Dương (Danh mục đính kèm).

Điều 2. Thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2021

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các khoa, phòng, bộ phận trực thuộc Trung tâm y tế Đơn Dương căn cứ quyết định thi hành. /-/-

Nơi nhận:

-Như điều 3.

-Lưu VT, BQL, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Phú Nhựt



BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ TIÊM VẮC XIN PHÒNG BỆNH

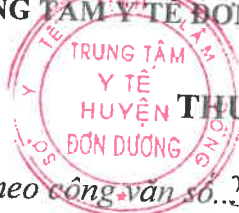
(Kèm theo công văn số 339 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của TTYT huyện Đơn Dương)

1/ Mức giá kê khai dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh (Trong giờ hành chính)		Lần	250.000				
2	Xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh (Ngoài giờ hành chính)		Lần	550.000				

2/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

3/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)
Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/7/2021



**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của TTYT Đơn Dương)

Tên hàng hóa, dịch vụ: **Xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh** (Trong giờ hành chính)

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

SỐ TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:	liều			189.496
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				141.020
	Kit thử nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2	Test	1	135.000	135.000
	Đầu col vàng	Cái	1	150	150
	Đầu col xanh	Cái	1	200	200
	Găng tay rời	Đôi	2	2.835	5.670
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp	Lần	1	13.876	13.876
1.3	Chi phí sản xuất chung:	Lần			34.600
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				0
b	Chi phí vật liệu				34.600
	Bộ đồ chống thấm	Bộ	0,1	243.100	24.310
	Khẩu trang N95	Cái	0,1	96.600	9.660
	Tấm che mặt	Cái	0,005	126.000	630
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				0
d	Chi phí khấu hao TSCĐ	Lần			0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác	Lần			0
	Tổng chi phí sản xuất :				34.600
2	Chi phí bán hàng	Lần	1	500	500
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lần			0
4	Chi phí tài chính				0
	Tổng giá thành toàn bộ	Lần			189.996
5	Lợi nhuận dự kiến	Lần			55.004
	Giá bán chưa thuế	Lần			245.000
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				0
7	Thuế TNDN (nếu có)				5.000
	Giá bán (đã có thuế)	Lần			250.000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí nhân công trực tiếp: $((2,34 + 0,3 \times 1.490.000) + \text{PCUĐ: } 1.394.640) / 24 \text{ ngày} / 8\text{h} / 60 \text{ phút} \times 30 \text{ phút} = 13.876 \text{ đồng}$
- Chi phí bán hàng: Hóa đơn, ấn phẩm: 500 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến: Giá thu 245.000đ - tổng giá thành toàn bộ 189996 = 55.004đ
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế 2% x 250.000đ = 5.000đ
- Giá bán (đã có thuế): = Tổng giá thành + lợi nhuận + thuế = 250.000đ/ mũi liềm



**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của TTYT Đơn Dương)

Tên hàng hóa, dịch vụ: **Xét nghiệm COVID-19 bằng test nhanh** (Ngoài giờ hành chính)

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:	liều			495.226
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				141.020
	Kit thử nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2	Test	1	135.000	135.000
	Đầu col vàng	Cái	1	150	150
	Đầu col xanh	Cái	1	200	200
	Găng tay rời	Đôi	2	2.835	5.670
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp	Lần	1	13.876	13.876
1.3	Chi phí sản xuất chung:	Lần			340.330
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				0
b	Chi phí vật liệu				340.330
	Bộ đồ chống thấm	Bộ	1	243.100	243.100
	Khẩu trang N95	Cái	1	96.600	96.600
	Tấm che mặt	Cái	0,005	126.000	630
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				0
d	Chi phí khấu hao TSCĐ	Lần			0
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				0
e	Chi phí bằng tiền khác	Lần			0
	Tổng chi phí sản xuất :				340.330
2	Chi phí bán hàng	Lần	1	500	500
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lần			0
4	Chi phí tài chính				0
	Tổng giá thành toàn bộ	Lần			495.726
5	Lợi nhuận dự kiến	Lần			43.274
	Giá bán chưa thuế	Lần			539.000
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				0
7	Thuế TNDN (nếu có)				11.000
	Giá bán (đã có thuế)	Lần			550.000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

- Chi phí nhân công trực tiếp: $((2,34 + 0,3 \times 1.490.000) + \text{PCUĐ: } 1.394.640) / 24 \text{ ngày} / 8\text{h} / 60 \text{ phút} \times 30 \text{ phút} = 13.876 \text{ đồng}$
- Chi phí bán hàng: Hóa đơn, ấn phẩm: 500 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Lợi nhuận dự kiến: Giá thu 539.000đ- tổng giá thành toàn bộ 495.726 = 43.274 đ
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế 2%: 550.000đ = 11.000đ
- Giá bán (đã có thuế): = Tổng giá thành + lợi nhuận+ thuế = 550.000đ/ mũi liêm